

NHỮNG BƯỚC TIẾN MỚI TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHAN MINH PHỤNG (*)

TÓM TẮT

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước. Bảo đảm các quyền của người dân tộc thiểu số được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là một ưu tiên cao trong các chương trình hành động của quốc gia. Trong số các quyền cơ bản của người dân tộc thiểu số, quyền học tập đóng vai trò rất quan trọng. Nhà nước ghi nhận quyền học tập của công dân trong Hiến pháp và đồng thời Nhà nước đặt mình vào nghĩa vụ tương ứng là bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện quyền. Nhờ vậy, người dân tộc thiểu số mà đặc biệt là trẻ em, học sinh đã có nhiều cơ hội tiếp cận và thụ hưởng quyền học tập, tạo nên những bước tiến mới, được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đánh giá là nước có những thành tựu đáng kể về giáo dục, đào tạo so với nhiều nước có thu nhập tính theo đầu người tương đương.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền học tập có ý nghĩa to lớn đối với cá nhân, dân tộc và quốc gia. Quyền này đem lại cho cá nhân khả năng quyết định lớn hơn đối với cuộc sống của bản thân, và đặc biệt, kiểm soát được tác động của các hành vi của nhà nước đối với cá nhân (Mai Hồng Quý, 2011). Đối với người dân tộc thiểu số, quyền học tập là một công cụ thiết yếu để

bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của họ. Việc thụ hưởng các quyền của con người ít nhất phụ thuộc vào trình độ giáo dục tối thiểu.

Với đặc thù là quốc gia có đến 53 dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc của Việt Nam xuyên suốt trong nhiều năm qua là chăm lo cho sự nghiệp giáo dục dân tộc, từng bước xóa bỏ các rào cản nhằm bảo đảm và thúc đẩy người dân tộc thiểu số, đặc biệt là trẻ em, học sinh thực hiện quyền học tập, nâng cao năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của vùng. Đến nay, giáo dục vùng dân tộc đã có nhiều khởi sắc, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước được tiếp cận và thụ hưởng nền giáo dục có chất lượng cao hơn.

2. NHỮNG BƯỚC TIẾN TRONG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Nội luật hóa, ghi nhận đầy đủ các quy định của pháp luật quốc tế về quyền học tập của người dân tộc thiểu số vào pháp luật quốc gia

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam gần 70 năm qua, quyền học tập của công dân luôn được nhà nước ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ. Nhà nước ta đã nội luật hóa, ghi nhận đầy đủ các quy định của pháp luật quốc tế về quyền học tập của công dân nói chung và người dân tộc thiểu số nói riêng vào pháp luật quốc gia, thiết lập và hoàn thiện thể chế

(*) Thạc sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

pháp lý về quyền học tập, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và rõ ràng cho công dân thực hiện quyền học tập của mình.

Trong năm bản Hiến pháp, các quyền cơ bản của con người, trong đó có quyền học tập được thể hiện ngày càng tốt hơn. Nội dung liên quan đến quyền học tập được ghi nhận trong Hiến pháp thể hiện rõ sự cam kết của nhà nước về bảo đảm, bảo vệ quyền học tập, phù hợp với những quy định của Điều 26 Tuyên ngôn nhân quyền và Điều 23, 14 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Bên cạnh việc ghi nhận, cam kết bảo đảm quyền học tập của công dân từ phía nhà nước, Hiến pháp còn tạo ra được cơ chế để kiểm soát việc tổ chức thực hiện nhằm bảo vệ quyền học tập trên thực tế theo những nguyên tắc tiến bộ đã được thừa nhận chung trên toàn thế giới, qua đó giúp công dân Việt Nam nói chung và công dân là người dân tộc thiểu số thực hiện đầy đủ quyền học tập của bản thân. Trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật Việt Nam tiếp tục cụ thể hóa các quyền này, phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền được giáo dục. Ngoài các văn bản pháp luật quy định về các biện pháp, điều kiện bảo đảm, bảo vệ quyền học tập của công dân nói chung, nhà nước Việt Nam còn quan tâm, chú trọng đến quyền của người dân tộc thiểu số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua việc ban hành các văn bản riêng, chỉ điều chỉnh một nội dung nào đó nhằm đảm bảo điều kiện cho người dân tộc thiểu số tiếp cận với nền giáo dục quốc gia, thực hiện quyền học tập và được hưởng chất lượng giáo dục ngang bằng theo tiêu chuẩn của nền giáo dục quốc gia.

2.2. Tổ chức được hệ thống thiết chế đủ năng lực bảo đảm và bảo vệ quyền học tập của người dân tộc thiểu số

Mặc dù chưa có cơ quan nhân quyền quốc gia, ở Việt Nam đã hình thành hệ thống

thiết chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người bao gồm sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Bên cạnh đó còn có các tổ chức phi chính phủ cũng góp phần quan trọng vào việc hỗ trợ, giám sát việc thực hiện quyền con người nói chung và quyền học tập của người dân tộc thiểu số nói riêng ở Việt Nam.

Nhằm bảo đảm, bảo vệ các quyền con người nói chung, quyền học tập nói riêng, Hiến pháp năm 2013 của nước ta đã ghi nhận hai nguyên tắc quan trọng: (i) Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (ii) ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

2.3. Chất lượng giáo dục ở các cấp học được quan tâm, tạo điều kiện đảm bảo học sinh người dân tộc thiểu số thực hiện quyền học tập

Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ. Trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số được nâng cao một bước. Phát triển giáo dục và đào tạo đã chuyển theo hướng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ vùng dân tộc.

Theo đó, Nhà nước có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục mầm non ở vùng dân tộc; từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non theo nguyên tắc bảo đảm đồng bộ, phù hợp, tiên

tiến, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1. Các địa phương vùng dân tộc đã phối hợp với các ngành quản lý tốt công tác tiêm chủng, vệ sinh, phòng dịch bệnh trong các cơ sở giáo dục mầm non; đổi mới hình thức tổ chức các độ tuổi, chương trình lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi. Vấn đề triển khai dạy tiếng Việt cho trẻ em tuổi mầm non được các địa phương quan tâm. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương đã triển khai có hiệu quả tài liệu hướng dẫn chuẩn tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số, đảm bảo chuẩn Tiếng Việt cho 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non. Một số địa phương đã biên soạn tài liệu phù hợp với vùng miền, quan tâm sử dụng văn hóa địa phương trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non (Lào Cai, Sơn La, Ninh Thuận, Yên Bái, Sóc Trăng). Việc bố trí giáo viên là người dân tộc thiểu số để hỗ trợ ban đầu cho trẻ ở các lớp mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi) được chú trọng. Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể khác cũng tham gia tích cực vào phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến nhà trẻ, lớp mẫu giáo, tăng cường phổ biến, cung cấp kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ đến từng gia đình, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non. Năm học 2009 - 2010, cả nước có 505.552 trẻ người dân tộc được tham gia vào học các lớp nhà trẻ, mầm non (Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo); thì đến năm học 2013-2014, cả nước có 979.167 trẻ người dân tộc được tham gia vào học các lớp nhà trẻ, mẫu giáo, mẫu giáo 5 tuổi, tăng 93,6%, trong đó tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi được huy động ra lớp để chuẩn bị vào lớp 1 đạt là 96,8% (Tài liệu Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2013 - 2014 đối với giáo dục dân tộc).

Giáo dục tiểu học được ngành giáo dục các địa phương quan tâm, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học sinh; thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế nhằm tăng thời lượng cho học sinh được học tập, vui chơi, rèn luyện tại trường; tổ chức cho tất cả học sinh lớp được học cả ngày, buổi 2 tập trung ôn tập kiến thức đã học ở buổi 1 và tổ chức nhiều hoạt động tăng cường khả năng giao tiếp tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời là biện pháp duy trì số lượng, đảm bảo tỷ lệ học sinh chuyên cần. Các địa phương cũng thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân đối với việc thực hiện quyền học tập của học sinh dân tộc thiểu số. Cơ hội học tập của trẻ em vùng dân tộc được bảo đảm bằng tỷ lệ trẻ em đi học bình quân tăng hằng năm. Ngoài ra, để bảo đảm chất lượng dạy và học cho các em học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tốt hơn, ngành giáo dục và đào tạo các địa phương luôn quan tâm việc tổ chức, đào tạo đội ngũ giáo viên căn bản, nhất là tại các vùng khó khăn. Đồng thời, thực hiện việc điều động các giáo viên giỏi, cốt cán các bộ môn đến các trường vùng cao, vùng khó khăn trực tiếp giảng dạy một thời gian để giúp đỡ cơ sở đổi mới và nâng cao phương pháp dạy học. Ngoài ra, để khắc phục tình trạng bỏ học, nhiều địa phương đã thực hiện phương châm đưa trường, lớp học đến với học sinh vùng dân tộc. Thông qua các dự án giáo dục tiểu học cho học sinh vùng dân tộc, hàng nghìn công trình nước, khu vệ sinh được xây dựng và đưa vào sử dụng; các cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ, chu đáo: phòng máy tính, máy in, máy photocopy, máy fax, điện thoại, bảng chống lóa, bàn ghế học sinh, thư viện... Với hướng đi, cách làm hiệu quả đó, đến nay, hệ

thống trường lớp, điểm trường lẻ bậc tiểu học ở vùng dân tộc đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh từ cấp xã, thôn, bản, buôn làng, phum sóc... không còn tình trạng bản trắng về giáo dục tiểu học.

Năm 2000, Việt Nam đã cam kết phấn đấu đạt được tám mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (được ghi trong bản Tuyên ngôn Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc năm 2000) vào năm 2015. Trong các mục tiêu này, phổ cập giáo dục tiểu học là một trong những mục tiêu mà Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể, đến cuối năm 2013, đã có 61/63 tỉnh, thành đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi cấp độ I, tỷ lệ nhập học ở cấp tiểu học đã đạt 97,7% (Thông tấn xã Việt Nam, 2013). Đây là thành tích vô cùng to lớn khi xuất phát điểm của Việt Nam là thấp so với các nước khác trên thế giới.

Chất lượng giáo dục đối với học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số đã có những chuyển biến tích cực. Hiện tượng học sinh "ngồi nhầm lớp" được khắc phục; tiêu cực trong việc kiểm tra, thi được đẩy lùi. Theo báo cáo của Vụ giáo dục dân tộc, chất lượng các môn Toán, Tiếng Việt năm học 2013 - 2014 tại vùng dân tộc thiểu số có sự chuyển biến theo hướng tăng, cụ thể, môn Tiếng Việt, giỏi 25,8%; khá 27,3%; trung bình 43%, yếu chỉ còn 3,9%; môn Toán, giỏi 29,5%; khá 30,6%; trung bình 36,7%, yếu chỉ còn 3,2% (Tài liệu Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2013 - 2014 đối với giáo dục dân tộc).

Giáo dục trung học vùng dân tộc thiểu số, các địa phương bảo đảm số tuần dạy học theo chương trình giảm tải, đủ số môn, số tiết/môn theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác phụ đạo học sinh yếu kém; tuyển chọn bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9, 11, 12; chú trọng

công tác giáo dục tư tưởng, tâm lý, đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh. Hầu hết các em học sinh dân tộc nội trú có phẩm chất đạo đức tốt, giữ gìn được bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời tiếp thu các nét đẹp văn hóa ứng xử văn minh, tiên tiến thông qua các hoạt động của nhà trường; chất lượng dạy và học ở các tỉnh miền núi và dân tộc ngày càng được cải thiện. Trong năm học 2013 - 2014, học sinh dân tộc thiểu số đã tích cực tham gia và đạt giải cao trong nhiều cuộc thi. Hình thức dạy học "thông qua di sản" phù hợp với đối tượng học sinh dân tộc thiểu số đã được triển khai trên phạm vi toàn quốc. Kết quả xếp loại hạnh kiểm đối với học sinh bậc trung học cơ sở: tốt 66,7%; khá: 24,8%; trung bình 8,1%, yếu 0,4%; kết quả xếp loại học lực: giỏi 5,6%; khá 27,9%; trung bình 57%, yếu 9,1%; kém 0,4%. Kết quả xếp loại hạnh kiểm đối với học sinh bậc trung học phổ thông: tốt 63,8%; khá: 29,2%; trung bình 6,2%, yếu 0,8%; kết quả xếp loại học lực: giỏi 2,3%; khá 25,8%; trung bình 53,7%, yếu 16,9%; kém 1,7% (Tài liệu Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2013 - 2014 đối với giáo dục dân tộc).

Để đảm bảo cho học sinh vùng dân tộc thực hiện quyền học tập cao hơn (trong môi trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, trên đại học), việc tổ chức mô hình dự bị đại học nhằm cho các em học sinh dân tộc thiểu số đã tham gia kỳ thi đại học chính quy hàng năm nhưng không đỗ, được xét vào học dự bị đại học một năm trước khi vào học chính thức tại các chuyên ngành đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Đây cũng là một ưu tiên riêng nhà nước dành cho học sinh dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho họ được tiếp cận nền giáo dục cao hơn. Thực hiện chính sách cử tuyển nhằm đào tạo đội ngũ tri thức dân tộc thiểu số để tăng cường đội ngũ cán bộ cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần nâng cao

dân trí thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững của các địa phương. Nhiều năm qua, hàng vạn học sinh người dân tộc đã được thụ hưởng chính sách cử tuyển, vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, đáp ứng một phần yêu cầu bức thiết về cán bộ là người dân tộc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển chung, xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh quốc phòng ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

Sau 6 năm, từ năm học 2007 - 2008 đến nay, tổng số học sinh được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng là 12.805 học sinh, so với tổng chỉ tiêu 14.602, đạt 88%. Số học sinh cử tuyển vào các trường trung cấp chuyên nghiệp trên 2.000 em, là con em dân tộc thiểu số của 55/63 tỉnh thành. Trong tổng số 12.805 học sinh cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, có 83,9 % học sinh vào 72 trường đại học; 16,1% học sinh vào 32 trường cao đẳng và 2.000 học sinh vào 25 trường trung cấp chuyên nghiệp (Thông tấn xã Việt Nam, 2013). Trên địa bàn cả nước, các địa phương đã cử con em các dân tộc thiểu số thuộc 48/54 dân tộc đi học tại các trường. Cụ thể là: dân tộc Thái chiếm 15,17%, Khmer chiếm 12,46%, Tày chiếm 9,59%, Hmông chiếm 8,04%, Dao chiếm 5,58%. Do các điều kiện khách quan, một số dân tộc trong 5 năm chỉ có dưới 10 học sinh cử tuyển như: dân tộc Co, Mảng, Rơ Măm, Colao, Gié-Triêng, Cống, Pà Thên, Lô Lô và có 6 dân tộc chưa có học sinh cử tuyển như: Brâu, La Hủ, Lự, Ngái, O'đú, Sila. Một số dân tộc tỷ lệ học sinh cử tuyển ngày một tăng như: Vân Kiều, Chăm, Kháng, Pà thên, Tà ôi, Xinh Mun. Các dân tộc này từ trước năm 2006 chưa có học sinh được cử tuyển, nay đã được các địa phương cử đi học. Số học sinh, sinh viên cử tuyển đã được bố trí vào học các trường đại học, cao đẳng tập

trung đăng ký vào học các nhóm ngành: sư phạm chiếm 23,03 %; y tế chiếm 25,96 %; kỹ thuật chiếm 15,55%; nông lâm chiếm 12,91%; kinh tế chiếm 16,82%; xã hội nhân văn chiếm 5,11%; nghệ thuật - thể dục thể thao chiếm 0,61% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012).

Để tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề, trong những năm gần đây, nhà nước đã ban hành một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn, tín dụng, học bổng, trợ cấp xã hội và các chính sách khác như học sinh trung học phổ thông dân tộc nội trú.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, ngoài giáo dục chính quy còn có giáo dục thường xuyên. Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục thường xuyên vùng dân tộc thiểu số, các trung tâm học tập cộng đồng được hình thành và phát triển. Số lượng người tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng năm 2008 có 17.661.650 lượt người, đến năm 2013 có 19.417.377 lượt người... (Mạnh Xuân, 2014).

2.4. Quy mô mạng lưới trường lớp chuyên biệt dành cho học sinh người dân tộc thiểu số được đầu tư, phát triển cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo cho học sinh dân tộc thiểu số dễ dàng thực hiện quyền tiếp cận giáo dục

Nằm trong hệ thống các trường phổ thông công lập của cả nước, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được xác định có vị trí mũi nhọn trong sự nghiệp giáo dục vùng dân tộc và miền núi, trong việc tạo nguồn cán bộ là người dân tộc. Hiện nay, hệ thống trường dân tộc nội trú có bước phát triển sâu rộng. Năm học 2013 - 2014, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú tiếp tục củng cố và phát triển về quy mô, mạng lưới, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng dân tộc thiểu số. Đến nay, trường phổ thông dân tộc

nội trú được thành lập ở 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 304 trường, bao gồm: 03 trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, 50 trường cấp tỉnh, 251 trường cấp huyện. Hầu hết các tỉnh, huyện ở miền núi, vùng dân tộc đều có trường phổ thông dân tộc nội trú, một số địa phương có trường liên huyện, trường cụm xã. Tổng số học sinh dân tộc nội trú toàn quốc là: 86.708 học sinh (tăng hơn 3000 học sinh so với năm học 2011 - 2012). Số học sinh trung học cơ sở 55.314 học sinh; số học sinh phổ thông trung học là 31.394 học sinh, tăng 2700 học sinh so với năm học trước (Vụ Giáo dục Dân tộc, 2014).

Cùng với hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, mạng lưới trường phổ thông dân tộc bán trú được phát triển cả về quy mô, số lượng. Hiện nay, toàn quốc 26 tỉnh thành lập với có 797 trường, trong đó, 228 trường tiểu học với 29.849 học sinh bán trú; 110 trường phổ thông cơ sở với 25.250 học sinh bán trú; 459 trường phổ thông trung học với 73.546 học sinh bán trú.

Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2000 - 2001 cả nước có 24 tỉnh đã thành lập trường Bán trú dân nuôi ở bậc tiểu học và 20 tỉnh ở bậc trung học cơ sở, trong đó bậc tiểu học có 639 trường với 39.959 học sinh bậc trung học cơ sở có 296 trường với 20.736 học sinh. Đến nay, tại 31 tỉnh trên cả nước có đến 699 xã có đề xuất mở trường Bán trú dân nuôi.

2.5. Tiếng dân tộc thiểu số được đưa vào giảng dạy trong nhà trường, tạo điều kiện cho học sinh dân tộc thiểu số được sử dụng tiếng mẹ đẻ để dễ dàng tiếp cận với kiến thức

Trước đây, trong số 54 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, chỉ có dân tộc Hoa, Chăm, Khmer là có sẵn tiếng nói và chữ viết riêng, còn lại hầu hết các dân tộc thiểu số khác chỉ

có tiếng nói mà chưa có chữ viết riêng. Từ sau khi Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) có Quyết định số 53/CP, ngày 22/2/1980 về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số, đã tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu khoa học, nhà văn hóa, nhà nghiên cứu dân tộc tiến hành La-tinh hoá cách phát âm ngôn ngữ của một số dân tộc. Đến nay, có gần 30 dân tộc có chữ viết.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh dân tộc thiểu số được sử dụng tiếng mẹ đẻ để dễ dàng tiếp cận với kiến thức, nhà nước đã chủ trương đưa vào giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số trong nhà trường. Toàn quốc hiện có 22 tỉnh, thành phố thực hiện dạy 7 thứ tiếng dân tộc thiểu số tại 737 trường, 118.786 lớp, 118.786 học sinh, bao gồm các tiếng: Chăm, Khmer, Êđê, Bahnar, Jrai, Hmông. Riêng tiếng Hoa đang dạy thí điểm (Vụ Giáo dục Dân tộc, 2014).

Bên cạnh việc đưa tiếng dân tộc thiểu số vào giảng dạy cho học sinh, các địa phương đã triển khai nghiêm túc nội dung Chỉ thị 38/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, giáo viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số. Năm học 2013 - 2014, toàn quốc có 29 tỉnh tổ chức dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, giáo viên, gồm 21 thứ tiếng dân tộc thiểu số, 74 lớp học và 3.565 học viên theo học. Kết thúc khóa học, các học viên sẽ có thể sử dụng được cơ bản tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ công tác, giảng dạy (Vụ Giáo dục Dân tộc, 2014).

2.6. Chế độ, chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên vùng dân tộc được tăng cường, qua đó tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số thực hiện quyền học tập một cách đầy đủ

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách giáo dục dân tộc được quan tâm từ ngày đầu thành lập nước. Trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta, Hiến pháp 1946

đã quy định: “Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung”.

Chăm lo giáo dục đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực và kỹ năng cho học sinh người dân tộc thiểu số ở các cấp học là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện công bằng trong giáo dục.

Trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để phát triển kinh tế xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có các chính sách liên quan đến giáo dục vùng dân tộc. Trong đó, có thể kể đến các chính sách cơ bản như: chính sách về mở trường, lớp, đầu tư các điều kiện phục vụ công tác dạy và học của học sinh vùng dân tộc, thành lập và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú; chính sách về tuyển sinh đối với học sinh dân tộc vào các trường phổ thông dân tộc nội trú; chính sách về tổ chức giảng dạy và giáo dục đối với học sinh dân tộc tại các trường phổ thông dân tộc nội trú; chính sách về học bổng đối với học sinh dân tộc thiểu số; chính sách về miễn giảm học phí đối với học sinh dân tộc thiểu số; chính sách về trợ cấp xã hội đối với học sinh dân tộc thiểu số; và một số chính sách ưu tiên khác như: hỗ trợ trang cấp hiện vật; hỗ trợ tiền tàu, xe; hỗ trợ học phẩm; mượn sách giáo khoa; hỗ trợ cho ngày tết Nguyên đán, tết Dân tộc; hoạt động văn thể; bảo vệ sức khỏe; ưu tiên ở ký túc xá; ưu tiên trong quá trình đào tạo.

2.7. Công bằng xã hội trong giáo dục vùng dân tộc thiểu số được cải thiện đáng kể

Công bằng xã hội trong giáo dục là một mục tiêu cơ bản của giáo dục Việt Nam.

Trong những năm qua, nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm tạo cơ hội tiếp cận với giáo dục có chất lượng cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt người dân vùng dân tộc thiểu số. Trẻ em người dân tộc thiểu số thuộc gia đình nghèo, đặc biệt khó khăn, bị khuyết tật được chú trọng. Vấn đề bình đẳng trong học tập giữa trẻ em gái và trẻ em trai được quan tâm. Với quyết định 2123/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, ngành giáo dục và xã hội về sự cần thiết phải phát triển giáo dục đối với dân tộc thiểu số rất ít người đã được nâng lên.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, việc bảo đảm, thúc đẩy quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế. Do vậy, để tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ quyền học tập, Việt Nam cần tiếp tục có các giải pháp nhằm bảo đảm thực thi quyền, trong đó việc thiết lập các cơ chế nhằm đáp ứng bốn yêu cầu cơ bản của quyền học tập gồm tính sẵn sàng, tính dễ tiếp cận, tính thích ứng và có thể chấp nhận được của quyền học tập trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Báo cáo sơ kết 6 năm thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP của Chính phủ*, năm 2012.
2. Chính phủ, Phát triển trường bán trú dân nuôi vùng dân tộc thiểu số, cpv.org.vn (trang tin điện tử của Chính phủ).
3. Mai Hồng Quỳ (2011), *Tìm hiểu về Quyền được giáo dục*, Nxb. Lao động - Xã hội.
4. Mạnh Xuân (2014), *Phát huy hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng*.

5. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2009).

6. Thông tấn xã Việt Nam (2013), *Việt Nam thực hiện thành công phổ cập giáo dục tiểu học*, 18/12/2013.

7. Vụ Giáo dục dân tộc (2014), *Tài liệu Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2013 - 2014 đối với giáo dục dân tộc*.

8. Vũ Phương (2013), *Cử tuyển vào đại học – cao đẳng: 48/54 dân tộc có học sinh được cử tuyển*.

ABSTRACT

Vietnam is a unity country consisting of 54 ethnic groups, of which there are 53 ethnic minorities, accounting for 14.3% of the national population. Ensuring the rights of ethnic minorities is identified by the Party and

the State of Vietnam as a high priority in the national action programs. Among the basic rights of ethnic minorities, the educational right plays a very important role. The State recognizes of citizens' educational right in the Constitution and the State places itself in the corresponding obligation to ensure the necessary conditions for the exercise of the right. Thus, ethnic minority people, especially children, students have many opportunities to access and enjoy their educational right. New advancements have been created and Vietnam is assessed by many countries and international organizations as a country which gains significant achievements in education and training more than many countries with a per capita income as same as Vietnam.